TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 15-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Ngọc

Bà Vũ Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Huy Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 12/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M1, sinh ngày 20/01/1959 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Hoàng Thị S (đều đã chết); có chồng là Lê Đức P, có 02 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 15/12/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bà Đoàn Tuyết M2, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Bà Võ Thị Thanh H2, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Bà Bùi Thị Kim O, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Bà Đồng Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

6. Bà Lê Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

7. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Phạm Thế L, sinh năm 1951 (Là chồng của bị hại bà Lương Thị D, đã chết); địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Đức P, sinh năm 1955. Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Khu X, thị trấn T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002, Công an huyện Cát Hải nhận được đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Q và chồng là Lương Thế V tố cáo Nguyễn Thị M1 viết giấy cam kết vay của bà Nguyễn Thị Q số tiền 50.000.000 đồng, kỳ hạn 04 tháng và cam kết thế chấp tài sản là nhà và đất của mình tại thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải cho bà Q. Tuy nhiên, ngôi nhà trên Nguyễn Thị M1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T trú tại thị trấn Cát Hải vào ngày 20/02/2000 với giá 25.000.000 đồng. Cùng thời điểm trên Công an huyện Cát Hải nhận được 07 đơn tố cáo Nguyễn Thị M1 đưa ra thông tin cần vốn làm ăn với em gái Nguyễn Thị K ở thị trấn Cát Bà buôn bán hải sản, để vay tiền của nhiều người làm chung trong Công ty chế biến Dịch vụ thủy sản Cát Hải nhưng M1 không làm ăn buôn bán mà chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Tháng 5/2001, vay của bà Lương Thị D (hiện nay đã chết), sinh năm 1955, trú tại tiểu khu Hòa Hy, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, có chồng là Phạm Thế L, sinh năm 1951, số tiền 20.000.000 đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ.

Tháng 11/2001, Nguyễn Thị M1 vay của bà Võ Thị Thanh H (sinh năm 1957, trú tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) số tiền 21.000.000 triệu đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất.

Tháng 02/2002, vay của bà Bùi Thị Kim O (sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) số tiền 5.000.000 đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, chỉ thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Tháng 3/2002, vay của bà Lê Thị C (sinh năm 1963, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) số tiền 15.000.000 đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng.

Tháng 4/2002, vay của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1965, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) số tiền 14.000.000 đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, chỉ thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Ngày 05/4/2002, vay của bà Đoàn Tuyết M2 (tức Đoàn Thị M2 sinh năm 1967, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng) số tiền 32 triệu đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Tháng 9/2002, vay của bà Đồng Thị T (sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, có chồng là Ninh Mạnh V, sinh năm 1957) số tiền 41.000.000 đồng, khi vay hai bên không ký kết giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất.

Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải tạm giữ 01 bản cam kết về việc bị cáo M1 vay số tiền 50.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Q giao nộp để phục vụ điều tra; tạm giữ 01 bản kiểm điểm, 01 tờ khai cấp sổ bảo hiểm, 01 Giấy chuyển nhượng (bản sao) đều có chữ ký của bị cáo M1.

Bản Kết luận giám định số 212/GĐ ngày 23/5/2003 của Tổ chức giám định tư pháp về khoa học kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Các chữ Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thế V; 50.000.000 (năm mươi triệu), ở ba dòng viết 7,8,9 và chữ Nguyễn Thị M1 ở phần người vợ vay ký trên "Bản cam kết"; chữ Nguyễn Thị M1 ở phần ký bên vợ chuyển nhượng trên "Giấy chuyển nhượng nhà, đất ở" với chữ viết trên "bản kiểm điểm" và chữ Nguyễn Thị M1 ký trên "tờ khai cấp sổ bảo hiểm xã hội" khả năng là chữ của cùng một người viết.*

Ngày 11/3/2003, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị M1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Thị M1 đến làm việc nhưng M1 đã không có mặt và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/3/2003 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã ra Quyết định truy nã đối với M1. Ngày 12/12/2022, Nguyễn Thị M1 đến Công an thị trấn Cát Hải đầu thú.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải, Nguyễn Thị M1 khai nhận: Trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến 2002, do làm ăn thua lỗ, không còn khả năng thanh toán các khoản nợ nên M1 đã đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để chung vốn làm ăn với em gái Nguyễn Thị K tại thị trấn Cát Bà để vay tiền của nhiều người làm chung trong Công ty cổ phần chế biến Dịch vụ thủy sản Cát Hải, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ. Để tạo lòng tin

cho những người vay tiền, M1 viết giấy cam kết thế chấp ngôi nhà và diện tích đất đang ở tại thị trấn Cát Hải cho bà Nguyễn Thị Q để vay số tiền 50.000.000 đồng, nhưng thực tế ngôi nhà trên M1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T từ năm 2000. Ngoài ra, M1 còn vay tiền của nhiều người khác đều đưa thông tin chung vốn làm ăn với Nguyễn Thị K để buôn bán hải sản ở thị trấn Cát Bà, thỏa thuận mức lãi suất cao từ 02% đến 03%/tháng để mọi người tin tưởng cho vay tiền, việc vay tiền chỉ do một mình M1 thực hiện, khi số tiền vay đã nhiều, khoảng tháng 11/2002, M1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do thời gian đã lâu việc vay mượn không có giấy tờ nên M1 không nhớ chính xác đã vay số tiền cụ thể của từng người, tuy nhiên M1 công nhận có vay tiền của nhiều người và chấp nhận số tiền đã vay như trình bày của những người bị hại, cụ thể là 08 người gồm bà Nguyễn Thị Q số tiền 50.000.000 đồng; bà Lương Thị C số tiền 15.000.000 đồng; bà Đoàn Tuyết M2 số tiền 32.000.000 đồng; bà Đồng Thị T số tiền 41.000.000 đồng; bà Võ Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng; bà Bùi Thị Kim O số tiền 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H số tiền 14.000.000 đồng; bà Lương Thị D số tiền 21.000.000 đồng, tổng số tiền là 198.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 quy định có lợi cho người phạm tội, áp dụng tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xử lý đối với bị cáo Nguyễn Thị M1.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải đã truy tố; bị cáo nhận biết được việc của bản thân là trái pháp luật; bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai và không bị ép buộc phải khai không đúng sự thật.

Ý kiến của những bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đều có văn bản xác nhận, bị cáo đã bồi thường xong số tiền đã chiếm đoạt, không ai có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị M1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi phạm tội, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú; đã tự nguyện bồi thường cho những bị hại; bị hại, đại diện của bị hại đều có đơn xin miễn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay bị cáo là người cao tuổi, thường xuyên ốm yếu nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị M1 từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị M1 đã bồi thường thiệt hại cho những bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

- Về vấn đề khác: Đối với ông Lê Đức Phượng là chồng của bị cáo Nguyễn Thị M1, quá trình điều tra xác định ông Phượng không biết việc vay, mượn tiền của bị cáo M1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải không có cơ sở để xử lý.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát; bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật và rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị M1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Trong các năm từ 2001 đến 2002, tại thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Thị M1 bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tài sản của 08 người gồm: Bà Nguyễn Thị Q số tiền 50.000.000 đồng; bà Lương Thị C số tiền 15.000.000 đồng; bà Đoàn Tuyết M2 số tiền 32.000.000 đồng; bà Đồng Thị T số tiền 41.000.000 đồng; bà Võ Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng; bà Bùi Thị Kim O số tiền 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H

số tiền 14.000.000 đồng; bà Lương Thị D số tiền 21.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt 198.000.000 đồng.

[3] Hành vi trên của Nguyễn Thị M1 đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định:*"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng;".

[4] Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị M1 có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng trên là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ năm 2001 đến năm 2002, bị cáo Nguyễn Thị M1 bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tài sản của 08 người, như vậy cả 08 lần bị cáo chiếm đoạt tài sản đều có giá trị từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú; đã tự nguyện bồi thường cho những bị hại; bị hại, đại diện của bị hại đều có đơn xin miễn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay bị cáo là người cao tuổi, thường xuyên ốm yếu nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trong khu vực, xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm; tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng mức hình phạt vừa phải là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 bản cam kết tạm giữ của bà Nguyễn Thị Quý, 01 bản kiểm điểm, 01 tờ khai cấp sổ bảo hiểm, 01 giấy chuyển nhượng nhà (bản sao), đây là tài liệu, chứng cứ nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- *Về bồi thường thiệt hại:*

[8] Bị cáo Nguyễn Thị M1 đã bồi thường thiệt hại cho những bị hại xong và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hình sự:

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

- Về quyền kháng cáo:

[11] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, quyết định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị M1 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt hoặc tự nguyện đi thi hành án,

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị M1 phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Các Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV 06);
- VKSND huyện Cát Hải;
- Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn Cát H, huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm